

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**BỘ TƯ LỆNH CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM**



**NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐÁP ÁN**  
**PHỤC VỤ CUỘC THI TRỰC TUYẾN TOÀN QUỐC**  
**“TÌM HIỂU LUẬT CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM”**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2021**

**Câu hỏi 1. Luật Cảnh sát biển Việt Nam được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày, tháng, năm nào? (Mức độ: Dễ)**

- A. 18/11/2018.
- B. 19/11/2018.
- C. 20/11/2018.

**Câu hỏi 2. Luật Cảnh sát biển Việt Nam được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa mấy thông qua? (Mức độ: Dễ)**

- A. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII.
- B. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV.
- C. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XV.

**Câu hỏi 3. Luật Cảnh sát biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? (Mức độ: Dễ)**

- A. Ngày 19/11/2018.
- B. Ngày 01/01/2019.
- C. Ngày 01/7/2019.

**Câu hỏi 4. Luật Cảnh sát biển Việt Nam có số, ký hiệu là gì? (Mức độ: Dễ)**

- A. Luật số 33/2018/QH14.
- B. Luật số 03/2018/QH13.
- C. Luật số 63/2018/QH13.

**Câu hỏi 5. Luật Cảnh sát biển Việt Nam được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam công bố vào ngày, tháng, năm nào?**

**(Mức độ: Trung bình)**

- A. Ngày 02/12/2018.
- B. Ngày 03/12/2018.
- C. Ngày 04/12/2018.

**Câu hỏi 6. Luật Cảnh sát biển Việt Nam được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua tại Kỳ họp lần thứ mấy?**

**(Mức độ: Dễ)**

- A. Kỳ họp **lần** thứ 5.
- B. Kỳ họp **lần** thứ 6.

---

<sup>1</sup> Thí sinh chỉ được lựa chọn 01 câu trả lời trắc nghiệm đúng trong số các đáp án do Ban Tổ chức đưa ra.

C. Kỳ họp **lần** thứ 7.

**Câu hỏi 7. Số, ký hiệu Lệnh công bố Luật Cảnh sát biển Việt Nam của Chủ tịch nước nước CHXHCN Việt Nam là gì?(Mức độ: Trung bình)**

A. Lệnh số 02/2018/L-CTN.

B. Lệnh số 12/2018/L-CTN.

C. Lệnh số 22/2018/L-CTN.

**Câu hỏi 8. Luật Cảnh sát biển Việt Nam thay thế cho văn bản quy phạm pháp luật nào? (Mức độ: Dễ)**

A. Luật Biển Việt Nam năm 2012.

B. Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 1998.

C. Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 2008.

**Câu hỏi 9. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào?(Mức độ: Trung bình)**

A. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và viên chức thuộc biên chế Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và công chức, viên chức quốc phòng.

C. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và công chức, viên chức quốc phòng thuộc biên chế Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 10. Luật Cảnh sát biển Việt Nam giải thích cụm từ “bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam” như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Là hoạt động phát hiện, đấu tranh và xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật trong vùng biển của nước CHXHCN Việt Nam.

B. Là hoạt động ngăn chặn, xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật quốc tế trong vùng biển của nước CHXHCN Việt Nam.

C. Là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển của nước CHXHCN Việt Nam.

**Câu hỏi 11. Phạm vi điều chỉnh của Luật Cảnh sát biển Việt Nam được quy định như thế nào? (Mức độ: Khó)**

A. Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

B. Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền điều tra, xử lý, trưng mua, trưng dụng tài sản của Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm phối hợp với

Cảnh sát biển Việt Nam; chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

C. Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam; chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 12. Vị trí của Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Là một trong các lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ.

B. Là lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chuyên trách của Nhà nước, làm nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển.

C. Là thành phần của lực lượng Công an nhân dân, lực lượng chuyên trách của Nhà nước, là một trong những lực lượng nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển.

**Câu hỏi 13. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định Cảnh sát biển Việt Nam có bao nhiêu chức năng? (Mức độ: Trung bình)**

A. 02 chức năng.

B. 03 chức năng.

C. 04 chức năng.

**Câu hỏi 14. Chức năng của Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định đầy đủ như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên trên biển.

B. Cảnh sát biển Việt Nam có chức năng tham mưu cho cấp có thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển; quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

C. Cảnh sát biển Việt Nam có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam; quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật

Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế theo thẩm quyền.

**Câu hỏi 15. Một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

B. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống nhất quản lý nhà nước của Thủ tướng Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

C. Đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.

**Câu hỏi 16. Nguyên tắc nào dưới đây không được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Đặt dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; chuyên sâu, tinh gọn, hiện đại và theo cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở.

B. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

C. Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, quản lý an ninh, trật tự, an toàn trên biển với phát triển kinh tế biển.

**Câu hỏi 17. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định về xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào?(Mức độ: Trung bình)**

A. Nhà nước xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Nhà nước xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại; bảo đảm nhân lực cho hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Nhà nước xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 18. Trách nhiệm xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

B. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

C. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia, ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho việc xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 19. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam phát triển kinh tế biển.

B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi hoạt động trong vùng biển Việt Nam có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

C. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi hoạt động trong vùng biển Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định trung mua, trung dụng tài sản của Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 20. Trách nhiệm phối hợp trong thực hiện quyết định huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện quyết định huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam.

B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện quyết định huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự để phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.

C. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện quyết định huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 21. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định đầy đủ như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

B. Được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật khi có yêu cầu; có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe,

tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

C. Được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật; có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 22. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định có mấy nhóm hành vi bị nghiêm cấm? (Mức độ: Dễ)**

A. 5 nhóm hành vi bị nghiêm cấm.

B. 6 nhóm hành vi bị nghiêm cấm.

C. 7 nhóm hành vi bị nghiêm cấm.

**Câu hỏi 23. Hành vi bị nghiêm cấm nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam?(Mức độ: Trung bình)**

A. Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ.

B. Phân biệt đối xử về giới, chia rẽ, kỳ thị dân tộc, chủng tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa trong thực thi nhiệm vụ Cảnh sát biển.

C. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam để vi phạm pháp luật; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Câu hỏi 24. Luật Cảnh sát biển Việt Nam nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện mấy nhóm hành vi? (Mức độ: Khó)**

A. Hai nhóm hành vi.

B. Ba nhóm hành vi.

C. Bốn nhóm hành vi.

**Câu hỏi 25. Hành vi bị nghiêm cấm nào dưới đây được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam thi hành công vụ, nhiệm vụ.

B. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam để vi phạm pháp luật; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

C. Phân biệt đối xử về giới, chia rẽ, kỳ thị dân tộc, chủng tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa trong thực thi nhiệm vụ Cảnh sát biển.

**Câu hỏi 26. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định mấy nhiệm vụ cho Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Dễ)**

- A. 06 nhiệm vụ.  
 B. 07 nhiệm vụ.  
 C. 08 nhiệm vụ.

**Câu hỏi 27. Nhiệm vụ nào dưới đây của Cảnh sát biển Việt Nam được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam?(Mức độ: Trung bình)**

- A. Thực hiện quản lý về an ninh mạng, bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng theo quy định của pháp luật.  
 B. Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, an ninh lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.  
 C. Thiết lập, phát triển quan hệ biên giới trên biển; xây dựng, mở rộng quan hệ hữu nghị với chính quyền, nhân dân, lực lượng chức năng của nước có chung đường biên giới trên biển và các quốc gia khác.

**Câu hỏi 28. Nhiệm vụ nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam?(Mức độ: Dễ)**

- A. Thực hiện nghiên cứu khoa học biển và tham gia phát triển kinh tế biển.  
 B. Đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và tham gia khắc phục sự cố môi trường biển.  
 C. Tham gia xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh và xử lý các tình huống quốc phòng, an ninh trên biển.

**Câu hỏi 29. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định về nhiệm vụ thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình của Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào?(Mức độ: Trung bình)**

- A. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng biển Việt Nam.  
 B. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để đề xuất chủ trương, giải pháp, phương án bảo vệ an ninh quốc gia và thực thi pháp luật trên biển; nghiên cứu, phân tích, dự báo, tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, an ninh quốc gia trong vùng biển Việt Nam, bảo đảm trật tự, an toàn và đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.  
 C. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để ban hành chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn và đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.



**Câu hỏi 30. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, nội dung nào dưới đây không thuộc quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam?**

**(Mức độ: Khó)**

A. Xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự theo quy định của pháp luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

B. Thực hiện quyền trưng dụng tài sản của cá nhân, tổ chức Việt Nam theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

C. Truy đuổi tàu thuyền vi phạm pháp luật trên biển và bắt giữ tàu biển theo quy định pháp luật.

**Câu hỏi 31. Cảnh sát biển Việt Nam có quyền tuần tra, kiểm tra, kiểm soát để thực hiện những nhiệm vụ gì?(Mức độ: Dễ)**

A. Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.

B. Đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và tham gia khắc phục sự cố môi trường biển.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 32. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định Cảnh sát biển Việt Nam có bao nhiêu quyền hạn?(Mức độ: Dễ)**

A. 9 quyền hạn.

B. 10 quyền hạn

C. 11 quyền hạn.

**Câu hỏi 33. Cảnh sát biển Việt Nam được thực hiện quyền hạn nào dưới đây? (Mức độ: Khó)**

A. Tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự theo quy định của pháp luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

B. Trong trường hợp khẩn cấp, được trưng mua, trưng dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

C. Huy động người, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

**Câu hỏi 34. Cảnh sát biển Việt Nam có quyền gì đối với người, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp khẩn cấp? (Mức độ: Dễ)**

A. Trong trường hợp khẩn cấp, Cảnh sát biển Việt Nam được quyền huy động người, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

B. Trong trường hợp khẩn cấp, để bắt giữ người, tàu thuyền và phương tiện vi phạm pháp luật; tìm kiếm cứu nạn; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển nghiêm trọng Cảnh sát biển Việt Nam được đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam hỗ trợ, giúp đỡ.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 35. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam có nghĩa vụ, trách nhiệm nào dưới đây?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

B. Thường xuyên học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật và rèn luyện thể lực.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 36. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam không có nghĩa vụ, trách nhiệm nào dưới đây?**

**(Mức độ: Trung bình)**

A. Giải quyết việc đền bù tài sản do cán bộ, chiến sĩ huy động trong trường hợp khẩn cấp mà bị thiệt hại.

B. Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Thường xuyên học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật và rèn luyện thể lực.

**Câu hỏi 37. Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải chịu trách nhiệm như thế nào về quyết định, hành vi của mình?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định, hành vi của mình trong thực thi nhiệm vụ.

B. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải chịu trách nhiệm trước cấp trên về quyết định, hành vi của mình trong thực thi nhiệm vụ.

C. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định, hành vi của mình trong thực thi nhiệm vụ.

**Câu hỏi 38. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam có bao nhiêu nghĩa vụ, trách nhiệm phải tuân thủ?**

**(Mức độ: Dễ)**

- A. 05 nghĩa vụ, trách nhiệm.  
B. 06 nghĩa vụ, trách nhiệm.  
C. 07 nghĩa vụ, trách nhiệm.

**Câu hỏi 39. Phạm vi hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam được quy định như thế nào?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Trong trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, Cảnh sát biển Việt Nam được hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam; khi hoạt động phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thoả thuận quốc tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

- C. Cả hai đáp án trên đều đúng.

**Câu hỏi 40. Trong trường hợp nào dưới đây Cảnh sát biển Việt Nam được hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam?**

**(Mức độ: Khó)**

A. Trong trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

B. Truy đuổi tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải quốc gia khác.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 41. Cảnh sát biển Việt Nam khi hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam phải tuân thủ các điều kiện gì?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

B. Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thoả thuận quốc tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 42. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, trường hợp nào dưới đây Cảnh sát biển Việt Nam không được hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam? (Mức độ: Khó)**

A. Trường hợp tàu, thuyền, máy bay Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ cứu nạn khẩn cấp đối với tàu, thuyền, phương tiện của tổ chức, cá nhân gặp sự cố, tai nạn trên biển.

B. Trường hợp tàu, thuyền, máy bay Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tác chiến để bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

C. Trường hợp tàu, thuyền, máy bay Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa môi trường biển.

**Câu hỏi 43. Khi hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam có phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam không? (Mức độ: Dễ)**

A. Khi hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Khi hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam phải tuân thủ chỉ thị, mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 44. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định Cảnh sát biển Việt Nam được sử dụng mấy biện pháp công tác Cảnh sát biển?(Mức độ: Dễ)**

A. 06 biện pháp.

B. 07 biện pháp.

C. 08 biện pháp.

**Câu hỏi 45. Biện pháp công tác Cảnh sát biển nào không được quy định trong Luật Cảnh biển Việt Nam? (Mức độ: Dễ)**

A. Biện pháp vũ trang.

B. Biện pháp pháp luật.

C. Biện pháp nhân đạo.

**Câu hỏi 46. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện các biện pháp công tác Cảnh sát biển để làm gì? (Mức độ: Trung bình)**

A. Để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn trên biển theo quy định của pháp luật.

B. Để nghiên cứu khoa học biển và phát triển kinh tế biển.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 47. Theo Luật Cảnh sát biển Việt Nam, ai là người có quyền quyết định sử dụng các biện pháp công tác Cảnh sát biển?(Mức độ: Trung bình)**

A. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Chỉ huy cơ quan, đơn vị Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 48. Khi quyết định sử dụng biện pháp công tác Cảnh sát biển, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam phải chịu trách nhiệm như thế nào?**

**(Mức độ: Trung bình)**

A. Chịu trách nhiệm trước cấp trên về quyết định của mình.

B. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình.

C. Chịu trách nhiệm trước nhân dân về quyết định của mình.

**Câu hỏi 49. Cảnh sát biển Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra không kiểm tra, kiểm soát đối tượng nào?(Mức độ: Trung bình)**

A. Người.

B. Tàu, thuyền, hàng hóa, hành lý.

C. Máy bay hoạt động ở vùng trời trên biển.

**Câu hỏi 50. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định bao nhiêu trường hợp Cảnh sát biển Việt Nam được dùng tàu thuyền để kiểm tra, kiểm soát?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. 05 trường hợp.

B. 06 trường hợp.

C. 07 trường hợp.

**Câu hỏi 51. Luật Cảnh sát biển Việt Nam xác định ai là người quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Thủ tướng Chính phủ.

B. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

C. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 52. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam không được ra lệnh dừng tàu, thuyền để kiểm tra, kiểm soát trong trường hợp nào dưới đây? (Mức độ: Dễ)**

A. Trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật.

B. Thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phát hiện, ghi nhận được hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều sai.

**Câu hỏi 53. Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển, Cảnh sát biển Việt Nam phải thực hiện những quy định gì về dấu hiệu nhận biết? (Mức độ: Dễ)**

A. Tàu thuyền, máy bay và các phương tiện khác của Cảnh sát biển Việt Nam phải có màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu, dấu hiệu nhận biết.

B. Phải treo Quốc kỳ Việt Nam và cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 54. Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát cán bộ, chiến sĩ, phương tiện, tàu thuyền, máy bay Cảnh sát biển Việt Nam phải thể hiện dấu hiệu nhận biết không? (Mức độ: Dễ)**

A. Có.

B. Không.

**Câu hỏi 55. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấp hành lệnh dừng tàu, thuyền của Cảnh sát biển Việt Nam trong trường hợp nào dưới đây?**

**(Mức độ: Trung bình)**

A. Phát hiện, ghi nhận được hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Theo đề nghị của công dân Việt Nam hoạt động trên biển.

C. Theo đề nghị của cá nhân người nước ngoài hoạt động trên biển.

**Câu hỏi 56. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào? (Mức độ: Khó)**

A. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trên đất liền phải chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam có trách nhiệm chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 57. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam có được sử dụng vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng quân dụng không?**

**(Mức độ: Dễ)**

A. Có.

B. Không.

**Câu hỏi 58. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được quyền nổ súng vào tàu thuyền trong trường hợp nào dưới đây?**

**(Mức độ: Khó)**

A. Khi biết rõ tàu thuyền của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế đang thi hành công vụ.

B. Khi biết rõ tàu thuyền đang chở đối tượng phạm tội hoặc chở vũ khí, vật liệu nổ trái phép, tài liệu phản động, bí mật nhà nước, ma túy, bảo vật quốc gia cố tình chạy trốn.

C. Cả hai đáp án nêu trên cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam đều được nổ súng.

**Câu hỏi 59. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam không được nổ súng trong trường hợp nào dưới đây?**

**(Mức độ: Khó)**

A. Đối tượng là phụ nữ, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi đang sử dụng vũ khí, vật liệu nổ tấn công hoặc chống trả, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc người khác.

B. Tàu thuyền có chở người hoặc có con tin.

C. Cả hai trường hợp nêu trên, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam đều không được nổ súng.

**Câu hỏi 60. Khi thi hành nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được nổ súng vào tàu thuyền trong các trường hợp nào?**

**(Mức độ: Trung bình)**

A. Khi biết rõ tàu thuyền do đối tượng phạm tội điều khiển cố tình chạy trốn.

B. Khi biết rõ tàu thuyền chở đối tượng phạm tội hoặc chở vũ khí, vật liệu nổ trái phép, tài liệu phản động, bí mật nhà nước, ma túy, bảo vật quốc gia cố tình chạy trốn.

C. Cả hai trường hợp nêu trên, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam đều được quyền nổ súng vào tàu thuyền.

**Câu hỏi 61. Khi cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, việc nổ súng được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Khó)**

A. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải tuân theo mệnh lệnh của người có thẩm quyền khi nổ súng.

B. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được nổ súng không cần cảnh báo vào đối tượng sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển hoặc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trực tiếp sử dụng vũ khí, vật liệu nổ chống lại việc bắt giữ.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 62. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để làm gì? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và kết quả thu thập được để phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trong bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển.

B. Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và kết quả thu thập được để phát hiện, bắt giữ, điều tra, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tố tụng hình sự.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 63. Trước khi đưa vào sử dụng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát biển Việt Nam không phải đáp ứng yêu cầu nào? (Mức độ: Trung bình)**

(Mức độ: Trung bình)

A. Phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật.

B. Phải tuân thủ hướng dẫn bảo quản, sử dụng của nhà sản xuất.

C. Phải được thử nghiệm và thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn theo quy định pháp luật.

**Câu hỏi 64. Cấp nào quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

(Mức độ: Trung bình)

A. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.

B. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

C. Bộ Quốc phòng.



**Câu hỏi 65. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được huy động tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự trong trường hợp nào dưới đây? (Mức độ: Trung bình)**

A. Trong trường hợp phòng ngừa sự cố môi trường, vi phạm an ninh, trật tự, an toàn trên biển.

B. Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền và phương tiện vi phạm pháp luật, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển nghiêm trọng; tiếp nhận, sử dụng nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự được huy động tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 66. Trong trường hợp nào dưới đây, Cảnh sát biển Việt Nam được đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam hỗ trợ, giúp đỡ? (Mức độ: Trung bình)**

A. Trong mọi trường hợp.

B. Trong trường hợp khẩn cấp.

C. Trong tuần tra, kiểm soát.

**Câu hỏi 67. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam trong trường hợp nào dưới đây? (Mức độ: Trung bình)**

A. Khi Cảnh sát biển Việt Nam đề nghị hỗ trợ, giúp đỡ.

B. Khi Cảnh sát biển Việt Nam yêu cầu hỗ trợ giúp đỡ.

C. Khi Cảnh sát biển Việt Nam huy động trong mọi trường hợp.

**Câu hỏi 68. Khi nào cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam phải hoàn trả tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự được huy động? (Mức độ: Trung bình)**

A. Hoàn trả ngay khi tình thế khẩn cấp chấm dứt.

B. Sau khi hoàn thành kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Sau 10 ngày kể từ thời điểm tình thế khẩn cấp chấm dứt.

**Câu hỏi 69. Tổ chức, cá nhân được cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam huy động làm nhiệm vụ bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Được hưởng chế độ, chính sách, đền bù theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Luật Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Chỉ được hưởng chế độ, chính sách đối với tính mạng, sức khỏe của người được huy động.

C. Các trường hợp thiệt hại về tài sản sẽ được đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động xem xét, đánh giá và đề nghị Nhà nước đền bù một phần mức độ thiệt hại thực tế.

**Câu hỏi 70. Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện quyền truy đuổi tàu thuyền trên biển trong mấy trường hợp? (Mức độ: Dễ)**

A. Trong 02 trường hợp.

B. Trong 03 trường hợp.

C. Trong 04 trường hợp.

**Câu hỏi 71. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định phạm vi, thẩm quyền và trình tự truy đuổi tàu thuyền trên biển của Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

B. Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

C. Theo đề nghị của cá nhân nước ngoài có liên quan đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

**Câu hỏi 72. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định cơ quan nào công bố, thông báo, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải đối với tàu thuyền đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Bộ Quốc phòng.

B. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 73. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định bao nhiêu nội dung hợp tác quốc tế? (Mức độ: Dễ)**

A. 03 nội dung.

B. 04 nội dung.

C. 05 nội dung.

**Câu hỏi 74. Nguyên tắc hợp tác quốc tế nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Khó)**

A. Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.

C. Phát huy sức mạnh nội lực và sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, bảo đảm thực thi pháp luật trên biển.

**Câu hỏi 75. Nội dung hợp tác quốc tế nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền.

B. Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương.

C. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao trang bị, khoa học và công nghệ để tăng cường năng lực của Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 76. Hình thức hợp tác quốc tế nào dưới đây không được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định? (Mức độ: Trung bình)**

A. Tổ chức hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế về an ninh, trật tự, an toàn và thực thi pháp luật trên biển.

B. Ký kết điều ước quốc tế giữa Cảnh sát biển Việt Nam và lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

C. Tham gia diễn tập, huấn luyện; tổ chức đón, thăm xã giao lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

**Câu hỏi 77. Hình thức hợp tác quốc tế nào dưới đây được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Dễ)**

A. Trao đổi thông tin về an ninh, trật tự, an toàn trên biển.

B. Tổ chức hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế về an ninh, trật tự, an toàn và thực thi pháp luật trên biển.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 78. Ai là người quy định việc phối hợp giữa Cảnh sát biển Việt Nam và các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng? (Mức độ: Dễ)**

A. Thủ tướng Chính phủ.

B. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

C. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 79. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định bao nhiêu nguyên tắc phối hợp? (Mức độ: Dễ)**

A. 04 nguyên tắc phối hợp.

B. 05 nguyên tắc phối hợp.

C. 06 nguyên tắc phối hợp.

**Câu hỏi 80. Nguyên tắc phối hợp nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Bảo đảm chủ động, linh hoạt, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì, phối hợp.

B. Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; không làm cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.

C. Các lực lượng khác khi thực hiện nhiệm vụ trên biển mà phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, nếu không thuộc thẩm quyền của mình thì có trách nhiệm thông báo, chuyển giao cho Cảnh sát biển Việt Nam hoặc các lực lượng chuyên ngành hữu quan khác để xử lý theo thẩm quyền.

**Câu hỏi 81. Nguyên tắc phối hợp trong xử lý hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trên cùng một vùng biển được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định xử lý như thế nào? (Mức độ: Trung bình)**

A. Cơ quan, tổ chức, lực lượng nào phát hiện trước phải xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định.

B. Trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật, tàu thuyền và phương tiện vi phạm pháp luật cho cơ quan, tổ chức, lực lượng có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Cơ quan, tổ chức, lực lượng tiếp nhận có trách nhiệm thông báo kết quả điều tra, xử lý cho cơ quan, tổ chức, lực lượng chuyển giao biết.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 82. Nội dung phối hợp nào dưới đây không quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Nghiên cứu khoa học biển với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

B. Bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển.

C. Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân hoạt động hợp pháp trên biển.

**Câu hỏi 83. Nội dung phối hợp nào dưới đây được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Dễ)**

A. Trao đổi thông tin, tài liệu; đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

B. Bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 84. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định hệ thống tổ chức của Cảnh sát biển Việt Nam gồm mấy cấp? (Mức độ: Khó)**

- A. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; đơn vị cấp cơ sở.
- B. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; đơn vị cấp cơ sở.
- C. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển; Hải đoàn, Hải đội Cảnh sát biển.

**Câu hỏi85. Cấp nào có thẩm quyền quy định chi tiết về hệ thống tổ chức của Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

- A. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.
- B. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.
- C. Bộ Quốc phòng.

**Câu hỏi86. Ngày truyền thống của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định là ngày nào?(Mức độ: Dễ)**

- A. Ngày 28 tháng 8 năm 1998.
- B. Ngày 28 tháng 8 năm 2008.
- C. Ngày 28 tháng 8 hằng năm.

**Câu hỏi87. Tên giao dịch quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào? (Mức độ: Dễ)**

- A. Vietnam Marine Police.
- B. Vietnam Border Guard.
- C. Vietnam Coast Guard.

**Câu hỏi88. Cấp nào có thẩm quyền quy định về màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết riêng của tàu thuyền, máy bay và các phương tiện khác của Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Dễ)**

- A. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.
- B. Bộ Quốc phòng.
- C. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi89. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào về treo Quốc kỳ Việt Nam và cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam?(Mức độ: Dễ)**

- A. Khi làm nhiệm vụ trên biển, tàu thuyền Cảnh sát biển Việt Nam phải treo Quốc kỳ Việt Nam và cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam.
- B. Khi làm nhiệm vụ bí mật trên biển, tàu thuyền Cảnh sát biển Việt Nam không treo quốc kỳ Việt Nam, cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam.
- C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi90. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào về sử dụng con dấu của Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Con dấu có hình Quân hiệu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

B. Con dấu có hình Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

C. Con dấu của cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan của Chính phủ.

**Câu hỏi 91. Cấp nào quy định cảnh hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cảnh phục, lễ phục của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam?(Mức độ: Dễ)**

A. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

B. Bộ Quốc phòng.

C. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 92. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định trang phục của Cảnh sát biển Việt Nam gồm những loại gì?(Mức độ: Trung bình)**

A. Cảnh hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cảnh phục, lễ phục.

B. Cấp hiệu, phù hiệu, cảnh phục, lễ phục.

C. Cảnh phục, lễ phục.

**Câu hỏi 93. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định kinh phí và cơ sở vật chất đảm bảo cho Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào?**

**(Mức độ: Trung bình)**

A. Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Nhà nước ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ cho Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 94. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định loại trang bị nào cho Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Tàu thuyền, máy bay và phương tiện khác.

B. Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 95. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn công dân vào Cảnh sát biển Việt Nam nào dưới đây không được quy định trong Luật Cảnh sát biển Việt Nam? (Mức độ: Trung bình)**

A. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam, nữ.

B. Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, có kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Công dân sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển, khu vực biên giới, hải đảo được ưu tiên, khuyến khích phục vụ lâu dài trong Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 96. Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam như thế nào?(Mức độ: Khó)**

A. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ; Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ; Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Chủ tịch nước thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam; Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 97. Nội dung quản lý nhà nước nào dưới đây được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định? (Mức độ: Trung bình)**

A. Tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 98. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với Cảnh sát biển Việt Nam được Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định như thế nào?**

A. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

B. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, quản lý, chỉ huy, điều hành hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

C. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch nước về tổ chức, quản lý, chỉ huy, điều hành hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

**Câu hỏi 99. Theo quy định của Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm nào dưới đây?**

**(Mức độ: Khó)**

A. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tạo điều kiện cho Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng quỹ đất tại địa phương để xây dựng trụ sở đóng quân, trú đậu tàu thuyền, kho tàng, bến bãi.

B. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam; thực hiện chính sách về nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi 100: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm như thế nào đối với Cảnh sát biển Việt Nam?**

A. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam; giám sát đối với hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

B. Thực hiện chính sách về nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

C. Cả hai đáp án nêu trên đều đúng.

**Câu hỏi dự đoán số lượng người tham gia thi Tháng**

Bạn hãy dự đoán có bao nhiêu người tham gia Cuộc thi trực tuyến toàn quốc tìm hiểu Luật Cảnh sát biển Việt Nam?

**Câu hỏi dự đoán số lượng người tham gia đợt thi Tuần**

Bạn hãy dự đoán có bao nhiêu người tham gia đợt thi Tuần thứ .... của Cuộc thi trực tuyến toàn quốc tìm hiểu Luật Cảnh sát biển Việt Nam?